

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **06/2023/HNGĐ-ST**

Ngày 06-02-2023

“V/v tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUẬT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Duy Đức

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Tuấn Anh
2. Bà Nguyễn Thị Bạ

- Thư ký phiên tòa: Bà Văn Thị Nguyễn Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột không tham gia phiên tòa.

Ngày 06 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 841/2022/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp về ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 221/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2023/QĐST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thiên P, sinh năm: 1985; địa chỉ: Đội S, thôn V, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Ông Võ Văn T, sinh năm: 1982; địa chỉ: Đường D, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thiên P trình bày có nội dung:

Bà Nguyễn Thị Thiên P và ông Võ Văn T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 20/7/2007.

Quá trình chung sống hạnh phúc được thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau, không thể chung sống được nữa. Cuối năm 2014, bà P cùng các con về quê ở tỉnh Quảng Ngãi sống ở nhà bố mẹ bà P. Từ đó đến nay không quay về chung sống với nhau nữa. Hiện nay, ông Võ Văn T đang sống và làm việc ở thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Nay tình cảm vợ chồng không còn nữa, đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Có 02 con chung là cháu Võ Ngọc Vân N, sinh ngày 19/5/2009 và cháu Võ Ngọc Gia A, sinh ngày 27/10/2014. Hiện nay các cháu đang ở cùng với bà P, nguyện vọng của bà P muốn được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu ông Võ Văn T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Võ Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc. Do đó không thể tiến hành lấy lời khai cũng như tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được. Vì vậy, Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu, xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Thiên P có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết việc ly hôn. Bị đơn ông Võ Văn T hiện đang cư trú tại: Đường D, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Do vậy, đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về trình tự, thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thiên P có đơn xin xét xử vắng mặt và bị đơn ông Võ Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà P và ông T là đảm bảo đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu khởi kiện:

Xét yêu cầu của nguyên đơn Hội đồng xét xử thấy rằng: Bà Nguyễn Thị Thiên P và ông Võ Văn T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn vào ngày 20 tháng 7 năm 2007 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi trên cơ sở tự nguyện là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật bảo vệ.

Quá trình chung sống do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau, không thể chung sống với nhau. Đến nay mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài, cuộc sống vợ chồng không thể hòa giải được nữa. Nên bà P đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với ông Võ Văn T.

Theo biên bản xác minh tình trạng mâu thuẫn vợ chồng tại địa phương được biết: Quá trình chung sống thì bà Nguyễn Thị Thiên P và ông Võ Văn T xảy ra mâu thuẫn và hiện nay chỉ còn ông T sinh sống tại địa phương. Tuy nhiên mâu thuẫn cụ thể như thế nào thì địa phương không biết rõ và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Thiên P và ông Võ Văn T đã trầm trọng mà không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Thiên P là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thiên P và ông Võ Văn T có 02 con chung là cháu Võ Ngọc Vân N, sinh ngày 19/5/2009 và cháu Võ Ngọc Gia A, sinh ngày 27/10/2014. Khi ly hôn, bà P có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung cháu Võ Ngọc Vân N và cháu Võ Ngọc Gia A đến tuổi trưởng thành. Hội đồng xét xử xét thấy, để đảm bảo sự phát triển về thể chất và tinh thần của các cháu nên giao cháu Võ Ngọc Vân N và cháu Võ Ngọc Gia A cho bà Nguyễn Thị Thiên P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ tuổi thành niên là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị Thiên P không yêu cầu ông Võ Văn T cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[5] Về tài sản và công nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thiên P phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thiên P.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thiên P được ly hôn với ông Võ Văn T.

- Về con chung: Giao con chung cháu Võ Ngọc Vân N, sinh ngày: 19/5/2009 và cháu Võ Ngọc Gia A, sinh ngày: 27/10/2014 cho bà Nguyễn Thị Thiên P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu Võ Ngọc Vân N và Võ Ngọc Gia A đủ tuổi thành niên.

Ông Võ Văn T có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị Thiên P không yêu cầu ông Võ Văn T phải cấp dưỡng nuôi con chung, nên không đặt ra để giải quyết.

- Về tài sản và công nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để giải quyết.

[2] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thiên P phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà P đã nộp (Nguyễn Thị Q nộp thay) theo biên lai số AA/2021/0021499 ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS Tp Buôn Ma Thuột;
- UBND xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Duy Đức